TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số: 142/2017/QĐST- HNGĐ	*Vĩnh Yên, ngày 17 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 165/2017/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm 1991; trú tại: Thôn M, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Trần Minh L, sinh năm 1988; trú tại: Phố N, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành lập ngày 09 tháng 8 năm 2017,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành lập ngày 09 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Dương Thị T và anh Trần Minh L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Dương Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu là Trần Gia B, sinh ngày 06/3/2011 và Trần Bảo A, sinh ngày 18/8/2014 (hiện các cháu B và A đang ở với chị T); anh Trần Minh L tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu là 2.500.000đ/1 tháng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi các cháu lần lượt đủ 18 tuổi lao động tự túc được.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, cho vay và công sức: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Dương Thị T tự nguyện nộp số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: AA/2016/0000051 ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Hoàn trả lại chị T số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Minh L tự nguyện nộp số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát thành phố V;
- Chi cục Thi hành án thành phố V;
- UBND phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, (ĐKKH năm 2010);
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

THẨM PHÁN

đã ký

Đỗ Thế Bình